

# Kinh tế Việt Nam 2017 - 2018: Tăng trưởng trên nền tảng hiệu quả và vững chắc

Nguyễn Văn Luân

**Tóm tắt**—Năm 2017, là năm đầu tiên sau nhiều năm Việt Nam đạt và vượt mức 13 chỉ tiêu kinh tế - xã hội đặt ra. Nền kinh tế Việt Nam đạt được tốc độ tăng trưởng cao, kinh tế vĩ mô ổn định và được duy trì vững chắc, tăng trưởng kinh tế đạt 6,81%, vượt mục tiêu đề ra 6,7%, chỉ số giá tiêu dùng tăng 3,53%, thấp hơn mục tiêu kế hoạch đề ra là 4%. Tín dụng tăng trưởng đạt 18,1%. Thu hút FDI đạt gần 36 tỷ USD. Xuất - nhập khẩu được đánh giá vẫn là điểm sáng khi tốc độ tăng trưởng vẫn duy trì ở mức cao. Với kết quả tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước (DNNN) đã phát đi những tín hiệu tích cực để tiến trình cải cách DNNN về đích một cách hiệu quả. Kết quả khả quan đó tạo sức bật cho phát triển kinh tế năm 2018.

Mục tiêu giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, phần đầu tăng trưởng kinh tế năm 2018 đạt 6,7% GDP, chú trọng cải thiện chất lượng tăng trưởng, bảo đảm phát triển bền vững. Năm 2018, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) khoảng 4%, kiểm soát bội chi ngân sách ở mức 3,7%, nợ công khoảng 63,9%. Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 8-10% so với năm 2017, nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu dưới 3%. Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 34% GDP.

Đề thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế năm 2018, cần phải triển khai mạnh mẽ các chính sách, biện pháp xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học công nghệ trong cả nước và các ngành để tạo ra những kết quả mang tính bước ngoặt trong chuyển dịch cơ cấu và mô hình tăng trưởng.

**Từ khóa**—Tăng trưởng, hiệu quả, vững chắc, kinh tế.

## 1 GIỚI THIỆU

NĂM 2017 là năm thứ hai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, đồng thời cũng là năm chuyển tiếp thực hiện giai đoạn cuối chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020. Năm 2017 đóng vai trò có tính quyết định đối với “tái cấu trúc nền kinh tế gắn liền với chuyển đổi mô hình tăng trưởng”. Có thể nói,

trong những năm vừa qua Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc ổn định kinh tế vĩ mô, tái cơ cấu nền kinh tế và cải cách thể chế. Điều này đã tạo nên những cơ sở và nền tảng cho sự phát triển; đó là: (i) kinh tế vĩ mô ổn định; (ii) môi trường đầu tư, kinh doanh ngày càng thông thoáng hơn; (iii) việc mở rộng các Hiệp định thương mại tự do (FTA) và ký kết hiệp định song phương ngày càng được mở rộng.

Kết thúc năm 2017, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, giá tiêu dùng tăng thấp. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 3,53% so với năm 2016, kiểm soát được lạm phát ở mức vừa phải. Kinh tế tiếp tục đà tăng trưởng, với mức tăng trưởng GDP cao đạt 6,81% [4;5;8].

Năm 2017 cũng là năm Việt Nam tham gia ngày càng sâu rộng hơn vào nền kinh tế thế giới thông qua hàng loạt hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương, trong đó đáng chú ý là: Việt Nam - EU, Việt Nam - Mỹ, Việt Nam - Nhật Bản, Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Hàn Quốc, Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC).

Các chỉ tiêu phát triển kinh tế năm 2018 đã được Quốc hội thông qua là: (i) Tổng sản phẩm trong nước tăng 6,7%; (ii) Tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân khoảng 4%; (iii) Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 7 - 8%; (iv) Tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu dưới 3%; (v) Tỷ lệ bội chi ngân sách ở mức 3,7% so với GDP; (vi) Tổng vốn đầu tư phát triển xã hội đạt 34% GDP; (vii) Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4% [1].

Với những cải cách đang được thực hiện một cách đồng bộ và quyết liệt, cùng đà hồi phục của nền kinh tế, khả năng thực hiện mục tiêu tăng trưởng 6,7% GDP sẽ là hiện thực hóa trong năm 2018.

Kinh tế Việt Nam trong năm 2017 đã tạo ra được những dấu ấn trong việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch như thế nào và triển vọng năm 2018 ra sao? sẽ được trả lời thông qua các thành tựu kinh tế vĩ mô năm 2017 và các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện năm 2018. Số liệu trong bài viết chủ yếu từ những nguồn chính thức của Chính phủ (2017c); Hội nghị trực tuyến của Chính Phủ với

Ngày nhận bản thảo: 30-01-2018, ngày chấp nhận đăng: 22-02-2018, ngày đăng: 15-7-2018.

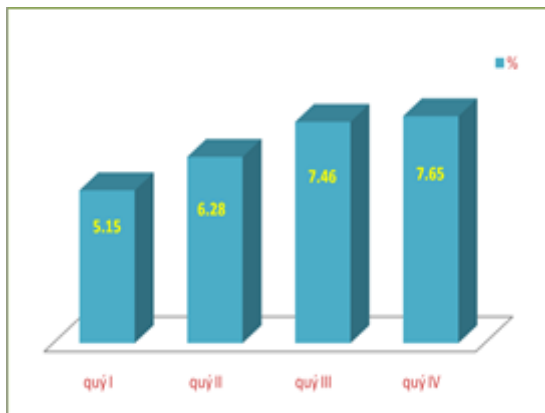
Tác giả Nguyễn Văn Luân công tác tại trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG HCM (email: luannv@uel.edu.vn)

các địa phương tháng 12 năm 2017; IMF, và tổng hợp từ Tổng cục Thống kê.

## 2 KINH TẾ VIỆT NAM 2017: NHỮNG ĐẤU ÁN TRONG VIỆC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU KINH TẾ VĨ MÔ

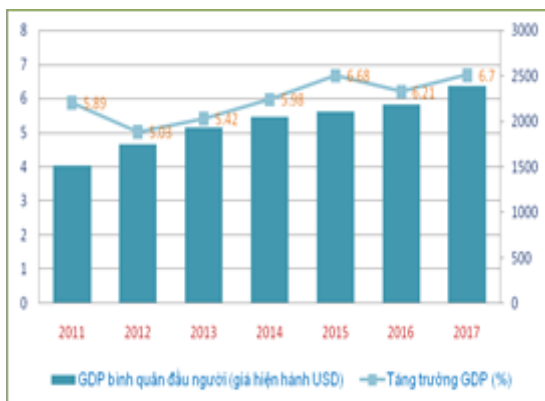
### 2.1 Tăng trưởng kinh tế

Theo Tổng cục Thống kê, hình 1, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 đạt 6,81% so với năm 2016, vượt mục tiêu đề ra là 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011 đến 2016.



Hình 1. Tăng trưởng kinh tế trong quý 4 năm 2017  
Nguồn: Tổng cục Thống kê 2017

Quy mô nền kinh tế Việt Nam năm 2017 theo giá hiện hành đạt 5.007,9 nghìn tỷ đồng. Thu nhập bình quân đầu người đạt 53,5 triệu đồng/năm [11]. Theo giá hiện hành năm 2017, GDP bình quân đầu người tương đương 2.385USD, tăng 170 USD so với năm 2016 (hình 2).



Hình 2. Tăng trưởng kinh tế và GDP bình quân đầu người  
Nguồn: Tổng cục Thống kê 2017

Tăng trưởng GDP năm 2017 đạt được ở cả 3 nhóm

ngành của nền kinh tế. Đóng góp lớn vào mức tăng GDP năm 2017 vẫn là khu vực công nghiệp – xây dựng (tăng 7,06%) và dịch vụ (tăng 7,6%). Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có mức tăng cao với 5,54%. Ngành nông nghiệp tăng 2,07% (năm 2016 tăng 0,72%); ngành nông nghiệp phục hồi nhanh sau những ảnh hưởng nặng nề của thiên tai năm 2016. Ngoài ra, xu hướng chuyển đổi trong nội bộ ngành đã đầu tư vào những sản phẩm có giá trị kinh tế cao mang lại hiệu quả. Nhóm ngành công nghiệp - xây dựng vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng chung, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 14,4% (là mức tăng cao nhất trong 7 năm gần đây). Trong nhóm ngành dịch vụ, đóng góp của một số ngành có tỷ trọng lớn vào mức tăng trưởng chung là: Bán buôn và bán lẻ đạt mức tăng 8,36% so với năm 2016; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 8,98%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,14%; kinh doanh bất động sản tăng 4,07% (mức tăng cao nhất kể từ năm 2011) [10]. Nhìn chung, tăng trưởng kinh tế vẫn đạt được mức cao ở cả 3 nhóm ngành; khu vực nông, lâm nghiệp và hải sản chiếm tỷ trọng 15,34%; công nghiệp và xây dựng chiếm 33,34%; dịch vụ chiếm 41,32%. Chính vì vậy, cơ cấu GDP theo nhóm ngành tiếp tục chuyển dịch theo hướng nhóm ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tiếp tục tăng, nhóm ngành nông, lâm nghiệp - thủy sản tiếp tục giảm. Đây là xu hướng phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa để đưa nước ta sớm trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

### 2.2 Giá cả và lạm phát

Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2017 tăng 3,53% so với năm 2016. Như vậy, năm 2017 là năm thứ 4 liên tiếp Việt Nam có mức lạm phát vừa phải và ổn định dưới 5%. Nguyên nhân lạm phát thấp trong năm 2017 chủ yếu là do giá cả các mặt hàng lương thực, thực phẩm giảm do sản xuất nông nghiệp tăng trưởng cao. Giá dầu và lương thực thế giới về cơ bản vẫn duy trì ở mức thấp, không gây ảnh hưởng đột biến đến các mặt hàng năng lượng và lương thực trong nước. Giá cả ổn định khiến một số mặt hàng quản lý của Nhà nước “được phép” tăng giá như: dược phẩm, y tế, giáo dục... tác động không đáng kể đến mức giá chung của nền kinh tế.

### 2.3 *Vốn đầu tư phát triển*

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội theo giá hiện hành đạt 1.667,4 nghìn tỷ đồng, tăng 12,1% so với năm 2016 và bằng 33,3% GDP. Trong đó, đầu tư vốn khu vực Nhà nước đạt 594,9 nghìn tỷ đồng; khu vực ngoài Nhà nước 676,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 40,5%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 396,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 23,8%. Trong năm 2017, thị trường chứng khoán Việt Nam chứng kiến chỉ số vượt đỉnh với khối lượng giao dịch và giá trị giao dịch ở mức kỷ lục, chỉ số VN - Index và HNX-Index tăng trưởng lần lượt 42,87% và 42,19%; mức vốn hóa thị trường đạt gần 3.360 nghìn tỷ đồng, tăng 73% so với năm 2016, tương đương 74,6% GDP; thanh khoản cải thiện mạnh, quy mô giao dịch bình quân đạt gần 4,981 tỷ đồng/phiên, tăng 63% so với bình quân năm 2016.

### 2.4 *Xuất – nhập khẩu hàng hóa*

Năm 2017, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 213,77 tỷ USD, tăng 21,1% so với năm 2016, và được đánh giá là năm có mức tăng cao nhất trong những năm qua. Nhập khẩu đạt 211,1 tỷ USD, tăng 20,8% so với năm 2016. Năm 2017 xuất nhập khẩu của Việt Nam, với tổng mức lưu chuyển hàng hóa xuất, nhập khẩu vượt mốc 400 tỷ USD, xuất siêu 2,67 tỷ USD. Năm 2017 có tới 28 nhóm hàng hóa xuất khẩu đạt trên 1 tỷ USD, trong đó có 5 nhóm hàng hóa xuất khẩu đạt trên 10 tỷ USD. Đặc biệt, lần đầu tiên xuất khẩu rau quả tăng kỷ lục đạt 3,5 tỷ USD, góp phần đưa tổng kim ngạch xuất khẩu nông thủy sản đạt 36,37 tỷ USD, tăng 13% so với năm 2016. Hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đã có mặt tại gần 200 quốc gia và vùng lãnh thổ. Bên cạnh tập trung vào một số thị trường chính với sức mua cao như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và ASEAN; hàng hóa của Việt Nam bước đầu xuất khẩu thành công vào một số quốc gia mới ở các nước khu vực châu Phi, châu Mỹ La tinh.

### 2.5 *Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)*

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng mạnh, số vốn FDI đăng ký đạt mức kỷ lục, trên 35 tỷ USD, tăng 30% so với năm 2016. Số vốn thực hiện đạt 17,5 tỷ USD, cao nhất trong 10 năm qua. FDI gia tăng mạnh là do xu hướng chuyển dịch vốn về các nước đang phát triển và mới nổi, chính sách thu hút đầu tư nước ngoài nhiều ưu đãi, và cơ hội

từ các hiệp định thương mại được ký kết [7].

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) có đóng góp lớn cho thương mại quốc tế và tăng trưởng của nền kinh tế. Xuất và nhập khẩu của khu vực FDI chiếm trên 70% và 60% tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu của nền kinh tế. Đóng góp của FDI vào ngân sách ngày càng tăng; tạo việc làm trực tiếp cho hơn 3,5 triệu lao động và hàng vạn lao động gián tiếp khác. FDI tiếp tục góp phần chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế với nhiều ngành nghề, sản phẩm công nghiệp, dịch vụ mới... góp phần thúc đẩy tiến trình hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới của Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực quản lý kinh tế, quản trị doanh nghiệp, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thay đổi cơ cấu lao động.

Từ những số liệu trên cho thấy: Năm 2017, kinh tế vĩ mô của Việt Nam ổn định, lạm phát được kiểm soát; xuất khẩu tăng mạnh và xuất siêu; khu vực công nghiệp và dịch vụ trở thành động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế. Tinh thần đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp đang lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội. Số doanh nghiệp thành lập mới năm 2017 đạt mức kỷ lục với 126.859 doanh nghiệp, với số vốn đăng ký mới và bổ sung trên 3 triệu tỷ đồng; đồng thời có trên 25.000 doanh nghiệp hoạt động trở lại [2;6].

Diễn biến tích cực của các chỉ số kinh tế như bội chi ngân sách, nợ công, cán cân thương mại, tỷ lệ lạm phát... nền kinh tế đã có những cải thiện trong hiệu quả đầu tư và năng lực cạnh tranh. Hệ số ICOR năm 2017 đạt 4,93 thấp hơn so với năm 2016 là 5,15. Điều này phản ánh hiệu quả đầu tư của nền kinh tế đang dần được cải thiện.

Năm 2017, môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam có bước tiến vượt bậc. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới (WB) Việt Nam xếp hạng 68/190 nền kinh tế về môi trường kinh doanh, tăng 14 bậc so với năm 2016. Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) xếp hạng năng lực cạnh tranh Việt Nam tăng 5 bậc trong năm 2017, đứng thứ 55/137 nước và tăng 20 bậc so với 5 năm trước [12].

Việc cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng bước đầu phát huy hiệu quả, giảm dần phụ thuộc vào khai thác tài nguyên, nhất là dầu khí. Chất lượng tăng trưởng có bước chuyển biến, đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) năm 2017 đạt 44,1%, cao hơn năm 2016 (40,7%), và giai đoạn 2011 - 2015 (33,6%).

Kết quả đạt được trong việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch kinh tế vĩ mô năm 2017 chủ yếu do thực thi chính sách hỗ trợ từ phía cung nền kinh tế, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, khuyến khích khởi tạo doanh nghiệp...

Bên cạnh những kết quả đạt được mang tính dấu ấn trong việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch kinh tế vĩ mô; năm 2017 nền kinh tế Việt Nam vẫn còn những hạn chế, yếu kém làm cản trở sự phát triển. Đó là: (i) Môi trường đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp tuy được cải thiện, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Điều đó nói lên cải cách ở nước ta vẫn còn chậm, chưa theo kịp và vượt các nước trong khu vực; (ii) Năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng và hiệu quả đầu tư vẫn còn thấp. Hệ số ICOR vẫn còn ở mức cao (4,93). Đây là vấn đề được đề cập và cảnh báo từ nhiều năm nay, nhưng vẫn chưa tạo được những chuyển biến tích cực đáng kể; (iii) Chi ngân sách gia tăng nhanh (chủ yếu do chi thường xuyên) trong khi thu ngân sách khó khăn nên thâm hụt Ngân sách Nhà nước ở mức cao trong những năm qua. Do thâm hụt ngân sách gia tăng, nợ công tăng lên nhanh chóng, tỷ lệ nợ công của Việt Nam thuộc nhóm cao trong nhóm các nước đang phát triển. Nợ công, nợ xấu đã làm hạn chế và thu hẹp không gian chính sách, làm ảnh hưởng đến dự địa cho tăng trưởng bằng các giải pháp huy động nguồn lực đầu tư phát triển; (iv) Xuất khẩu của Việt Nam năm 2017 dựa chủ yếu vào các sản phẩm công nghiệp chế biến chế tạo, đặc biệt là điện thoại, điện tử và linh kiện. Điều này cũng hàm ý đóng góp chủ yếu cho xuất khẩu vẫn là từ khu vực FDI. Ngành công nghiệp hỗ trợ và vai trò của doanh nghiệp trong nước còn yếu trong chuỗi giá trị toàn cầu.

### 3 KINH TẾ VIỆT NAM 2018: TĂNG TRƯỞNG TRÊN NỀN TẢNG HIỆU QUẢ VÀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH

#### 3.1 Cơ hội và thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam

Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế, nền kinh tế Việt Nam trong năm 2018 có những yếu tố thuận lợi nhất định, nhưng thách thức và khó khăn là rất lớn. Trước hết, tình hình kinh tế thế giới năm 2018 khá lạc quan về tăng trưởng kinh tế. Kinh tế Mỹ được dự báo tiếp tục tăng trưởng cao và ổn định, kinh tế châu Âu tiếp tục phục hồi, tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc có thể chậm lại

nhưng vẫn duy trì trên 6%. Thương mại toàn cầu vẫn có xu hướng tăng nhanh, mặc dù chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch và chủ nghĩa dân tộc cực đoan (chủ nghĩa dân túy) ở một số quốc gia tăng lên. Hiệp định Đối tác Tiến bộ và Toàn diện xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) được ký kết sẽ tạo thuận lợi cho việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo thêm nhiều việc làm, giảm đói nghèo và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, cộng với tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 diễn ra mạnh mẽ... tạo điều kiện để thúc đẩy gia tăng xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế, nếu Việt Nam tận dụng được cơ hội của các hiệp định thương mại tự do đã được ký kết.

Ở trong nước, yếu tố thuận lợi cơ bản là kinh tế vĩ mô ổn định, cải cách thể chế và thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh, giảm chi phí sản xuất... được Chính phủ chỉ đạo quyết liệt đã phát huy hiệu quả, hỗ trợ tích cực hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Đặc biệt, việc triển khai Nghị quyết Hội nghị TW5 về đẩy mạnh cải cách thể chế, thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế... được kỳ vọng sẽ tạo ra cú huých mới cho kinh tế tư nhân phát triển. Cùng với đó là niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài vào triển vọng phát triển của nền kinh tế Việt Nam, sau sự thành công của Hội nghị cao cấp APEC năm 2017 tại Việt Nam. Khu vực doanh nghiệp nhà nước cũng được kỳ vọng sẽ hoạt động có hiệu quả hơn sau quá trình tái cấu trúc thông qua cổ phần hóa và thoái vốn, cũng như những tiến triển mới trong đấu tranh phòng chống tham nhũng.

Bên cạnh những thuận lợi, khó khăn thách thức với nền kinh tế Việt Nam vẫn còn rất lớn. Ở trong nước, việc nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao trong năm 2017 cũng là một thách thức cho tăng trưởng năm 2018, nhất là trong bối cảnh nguồn lực tài nguyên ngày càng cạn kiệt, sản xuất của ngành công nghiệp khai khoáng tiếp tục giảm, công nghiệp chế tạo khó có đột phá mới, nông nghiệp vẫn đứng trước rủi ro lớn do tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu... Thực tế cho thấy, chưa thể kỳ vọng vào sự đột phá của năng suất lao động, hiệu quả đầu tư và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế cũng như của cộng đồng doanh nghiệp. Lợi thế về nguồn lao động giá rẻ đang mất đi nhanh chóng do tác động của cuộc cách mạng 4.0.

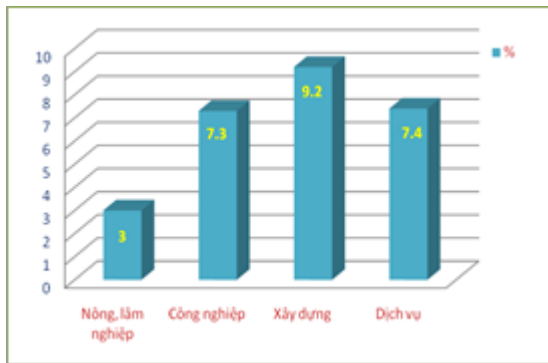
Ở ngoài nước, tình hình quốc tế vẫn tiếp tục có những diễn biến phức tạp; xu hướng bảo hộ và đưa sản xuất về trong nước của một số nước phát triển

đang diễn ra sẽ ảnh hưởng đến xuất khẩu và dòng vốn đầu tư vào Việt Nam. Việc cắt giảm thuế xuất nhập khẩu trong khối ASEAN đối với hầu hết các mặt hàng sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới một số ngành sản xuất kinh doanh nếu các doanh nghiệp Việt Nam không nâng cao được năng lực cạnh tranh về giá cả và chất lượng sản phẩm.

### 3.2 Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2018

Năm 2018 là năm thứ ba thực hiện nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2016 - 2020; theo đó, tăng trưởng kinh tế Việt Nam có nhiều khả năng vẫn giữ được tốc độ tăng cao mang tính bền vững hơn nếu những tồn tại mang tính cơ cấu của nền kinh tế được giải quyết một cách triệt để. Mục tiêu đề ra năm 2018 là tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững [3].

Các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế năm 2018 là: (i) Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 6,7%; (ii) Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng bình quân khoảng 4%; (iii) Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 8 - 10%; tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu dưới 3%; (iv) Kiểm soát bội chi ngân sách ở mức 3,7% so với GDP; (v) Nợ công khoảng 63,9% GDP; (vi) Tổng vốn đầu tư phát triển xã hội đạt 34% GDP; (vii) Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4% [9].



Hình 3. Mục tiêu tăng trưởng một số ngành kinh tế năm 2018  
Nguồn: Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ năm 2018

Năm 2018 được nhìn nhận là năm có “bước ngoặt” trong việc hội nhập quốc tế của Việt Nam. Đây là cơ hội, song cũng là thách thức rất lớn đối với Việt Nam. Để đạt được mức tăng trưởng cao và bền vững trong năm 2018, Việt Nam cần tích

cực hơn nữa trong cải thiện môi trường kinh doanh, giảm chi phí không chính thức cho khu vực doanh nghiệp; thúc đẩy kinh tế thị trường và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D), tận dụng cơ hội từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; tích cực hơn nữa trong tái cơ cấu khu vực doanh nghiệp nhà nước, đẩy mạnh cổ phần hóa, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

Trên cơ sở nền tảng tăng trưởng kinh tế năm 2017; năm 2018 cần tập trung phát triển công nghiệp chế biến chế tạo, đổi mới công nghệ thân thiện với môi trường trong các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng, khai khoáng... công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Thúc đẩy xuất khẩu, mở rộng thị trường gắn với đơn giản hóa thủ tục hành chính trong hoạt động xuất nhập khẩu. Đẩy mạnh cơ cấu lại vốn đầu tư công gắn với cơ cấu lại thu chi ngân sách Nhà nước, đảm bảo an toàn nợ công. Quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả tài sản công, nợ công. Đẩy mạnh phát triển du lịch để du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tăng trưởng GDP trong ngành dịch vụ đạt 7,5% (hình 3).

## 4 KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

### Kết luận

Năm 2017, nền kinh tế Việt Nam có bước phát triển khá quan trọng, kinh tế vĩ mô ổn định và được duy trì vững chắc, tăng trưởng kinh tế phục hồi rõ nét, thị trường tài chính có những chuyển biến tích cực, khó khăn của doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng đã có dấu hiệu giảm bớt. Xuất - nhập khẩu được đánh giá vẫn là điểm sáng khi tốc độ tăng trưởng vẫn duy trì ở mức cao. Với kết quả tái cơ cấu DNNN đã phát đi những tín hiệu tích cực để tiến trình cải cách DNNN về đích một cách hiệu quả.

Trong năm 2017, với tư duy Nhà nước kiến tạo, môi trường kinh doanh được cải thiện tốt hơn, tạo điều kiện cho sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân. Và là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài với môi trường đầu tư cởi mở, kinh tế - chính trị ổn định. Khu vực FDI tiếp tục đóng vai trò là động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế, đóng góp lớn vào sản xuất công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế tạo. Ngành dịch vụ có nhịp độ tăng trưởng mạnh, đóng góp một cách đáng kể vào tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế.

Năm 2017, tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức cao và nền tảng kinh tế vĩ mô dần được cải thiện sẽ là

cơ sở để duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cho năm 2018.

#### *Khuyến nghị*

Để thực hiện thành công những mục tiêu kế hoạch kinh tế vĩ mô năm 2018; trước hết, Chính phủ cần phải thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả của tăng trưởng kinh tế, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất lao động. Tỷ lệ đóng góp năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) vào tỷ lệ tăng trưởng GDP chiếm 45%. Giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô để gia tăng niềm tin chính sách, doanh nghiệp an tâm với những quyết định đầu tư sản xuất kinh doanh; giảm thâm hụt ngân sách, đặc biệt là giảm chi thường xuyên, quyết liệt trong tái cơ cấu hệ thống tài chính tiền tệ.

Những chính sách trọng cung để tiếp tục đẩy nhanh tái cơ cấu nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu là giảm nhanh các chi phí nguồn lực của nền kinh tế. Hiện nay, các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân, khó phát triển là do chi phí sản xuất kinh doanh ở mức cao. Các doanh nghiệp khi tiếp cận và thuê các yếu tố sản xuất cũng như khi làm các nghĩa vụ thuế và phí đối với Nhà nước phải trả các phí chính thức và phi chính thức cao. Vì vậy, muốn giảm chi phí cho doanh nghiệp mà không ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách thì cần tập trung vào thị trường các yếu tố sản xuất (vốn, lao động, đất đai) để các doanh nghiệp có thể tiếp cận các yếu tố sản xuất với chi phí chính thức thấp. Đồng thời cũng sẽ giảm được các chi phí phi chính thức.

Các chính sách thúc đẩy cạnh tranh phải dựa trên thị trường, Chính phủ thay vì can thiệp trực tiếp thì nên thiên về việc tạo lập điều kiện để các lực lượng thị trường hoạt động tốt và hiệu quả hơn, kiến tạo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các khu vực, tháo gỡ các rào cản để khu vực tư nhân thực sự trở thành động lực tăng trưởng của nền kinh tế.

Nhìn chung, triển vọng của nền kinh tế Việt Nam trong ngắn hạn là rất tích cực; tuy nhiên, về trung hạn và dài hạn, nền kinh tế phụ thuộc chủ yếu vào các chính sách của Chính phủ và tốc độ thâm thấu của các chính sách vào nền kinh tế. Chính sách của Chính phủ có thể được thiết kế tốt nhưng việc gỡ bỏ các rào cản, cản trở và sức ỳ của thể chế có thể tác động đến hiệu quả tích cực lên nền kinh tế, lên hoạt động của doanh nghiệp, và là thước đo quan trọng phản ánh năng lực thực sự của “Chính phủ kiến tạo và hành động để phục vụ người dân và doanh nghiệp”.

#### TÀI LIỆU THAM THẢO

- [1] Bộ Công thương (2017), “*Báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động ngành công nghiệp và thương mại năm 2017*”.
- [2] Bộ Tài chính (2017), “*Báo cáo tình hình tài cơ cấu DNNN năm 2017 và nhiệm vụ 2018*”.
- [3] Chính phủ (2017b), “*Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020*”, ban hành ngày 6 tháng 2 năm 2017.
- [4] Chính phủ (2017c), “*Báo cáo số 458/BC-CP của Chính phủ trình Quốc hội, ngày 18 tháng 10 năm 2017*”.
- [5] Chính phủ (2017), “*Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 của Chính phủ tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XIV*”.
- [6] Cục đăng ký doanh nghiệp - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2017), “*Số doanh nghiệp và tốc độ tăng/giảm số doanh nghiệp năm 2017*”.
- [7] Cục đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2017), “*Báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2017*”.
- [8] Quốc hội khóa XIV (2016a), “*Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017*”.
- [9] Tổng cục Thống kê (2017), “*Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2017*”.
- [10] Tổng cục Thống kê ((2017), “*Niên giám thống kê 2016*”.
- [11] Tổng cục Thống kê (2017), “*Báo cáo tổng quan thị trường và giá cả tháng 12 và năm 2017*”.
- [12] IMF (2017c), World Economic Outlook, October 2017, retrieved on 01/12/2017.

# Vietnam's economy in 2017 - 2018: Growth on an efficient and sustainable foundation

Nguyen Van Luan

University of Economics and Law, VNUHCM, Viet Nam  
Corresponding author: [luannv@uel.edu.vn](mailto:luannv@uel.edu.vn)

Received: 30-01-2018, Accepted: 22-02-2018; Published: 15-7-2018

**Abstract**—2017 is the first time after many years that Vietnam met and exceeded 13 social-economic indicators. Vietnam's economy experienced a high economic growth rate, stable and sustainable macro-economic environment. GDP growth is 6.81% (target 6.7%), CPI 3.53% (target 4%), credit growth 18.1%, and FDI of 36 billion USD. Import-export turnovers remain a significant achievement and has been maintained at a high level. Early results from restructuring of state-own enterprises signal a successful restructuring. These positive indicators provide impetus for the Vietnam's economy in 2018.

The targets in 2018 include maintaining a stable macro-economic environment, achieving a 6.7% GDP growth, focusing on growth quality and sustainability, 4% CPI, 3.7% state budget deficit, 63.9% public debt, 8-10% increase in export turnover against 2017, less than 3% trade deficit and a ratio of government investment to GDP at 34%.

To successfully achieve 2018 economic indicators, it is necessary to strongly apply policies and solutions for a creative and innovative system, develop science and technology nationwide and in every industry. This is to create breakthrough for the changes of the structure and growth model.

**Keywords**—Growth, efficient, sustainable, economy.